

BÁO CÁO KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 1 NĂM 2023

CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam



NHỮNG ĐIỂM SÁNG TRONG THÁNG 1 ĐẦU NĂM 2023

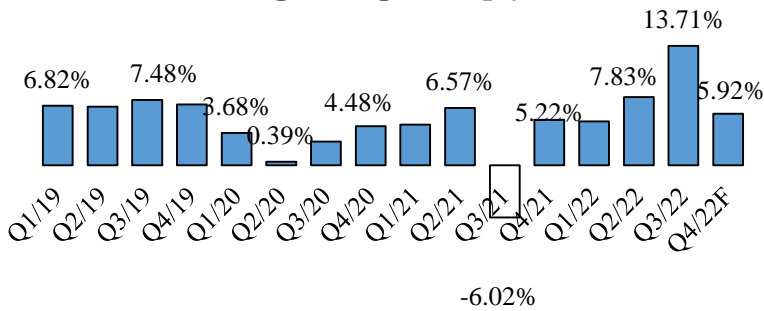
Tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 tiếp tục chuyển biến tích cực mặc dù trong tháng có các kỳ nghỉ Tết Dương lịch và Tết Nguyên Đán năm 2023 kéo dài. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 0.52% so với tháng 12 năm 2022, chủ yếu do giá hàng hóa, dịch vụ tăng theo quy luật tiêu dùng vào dịp Tết; các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm... Thị trường tiền tệ, ngoại hối, tỷ giá ổn định hơn; bảo đảm thanh khoản của hệ thống ngân hàng, đáp ứng nhu cầu thanh toán, rút tiền mặt của người dân, doanh nghiệp trước và trong dịp Tết.

Những điểm nhấn KTVM nổi bật trong tháng 1 đầu năm 2023:

- **Tăng trưởng GDP vượt dự báo:** Tổng sản phẩm trong nước (GDP) Q3/2022 ước tính tăng khá cao ở mức 13.67% so với cùng kỳ năm trước, vượt các dự báo. GDP 9 tháng năm 2022 tăng 8.83% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 9 tháng trong giai đoạn 2011-2022. Sang Q4/2022, khả năng tốc độ tăng trưởng GDP sẽ không còn giữ được phong độ tăng cao như trong Q3, nhưng dự phóng cũng trên 6%. Vì vậy cuối năm 2022, chúng tôi kỳ vọng GDP sẽ tăng trưởng vượt mức mục tiêu 6.5%, thậm chí là trên 8%.
- **Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ bùng nổ tăng trưởng:** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Một năm 2023 ước đạt 544,8 nghìn tỷ đồng, tăng 5.2% so với tháng trước và tăng 20% so với cùng kỳ năm trước.
- **Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp sụt giảm so với cùng kỳ:** Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 01/2023 ước giảm 14.6% so với tháng trước và giảm 8% so với cùng kỳ năm trước.
- **FDI sụt giảm mạnh:** Tính đến 20/01/2023, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp (GVMCP) của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 1.69 tỷ USD, giảm 19.8% so với cùng kỳ năm 2022. Vốn thực hiện của dự án đầu tư nước ngoài ước đạt khoảng 1.35 tỷ USD, giảm 16.3% so với cùng kỳ năm 2022.
- **Kim ngạch xuất nhập khẩu suy giảm, xuất siêu cao:** Về xuất khẩu, trong tháng 01/2023 ước đạt 25.08 tỷ USD, giảm 13.6% so với tháng trước. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2023 ước đạt 21.48 tỷ USD, giảm 21.3% so với tháng trước. Tháng 01/2023 ước tính xuất siêu 3.6 tỷ USD.
- **CPI tăng cao trong tháng 1:** Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01/2023 tăng 0.52% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2022, CPI tháng Một tăng 4.89%; lạm phát cơ bản tháng 01/2023 tăng 5.21%.
- **Nói room tín dụng:** Duy trì ở mức 14 - 15% trong 2023.
- **Lãi suất:** Cuộc đua lãi suất huy động đã giảm nhiệt, một số ngân hàng đã giảm lãi suất cho vay.
- **Bình ổn tỷ giá:** Tỷ giá đã có xu hướng bình ổn sau nhiều tháng tăng nóng trước đó.
- **Dự trữ ngoại hối:** Ngân hàng nhà nước đã bắt đầu mua ròng ngoại tệ trong tháng 01/2023.
- ...

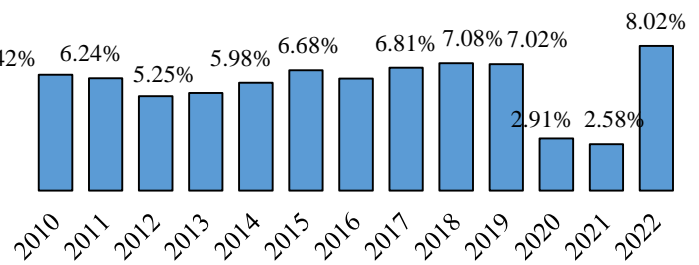
PHẦN 1. VĨ MÔ – GDP tăng trưởng ấn tượng

Hình. Tăng trưởng GDP quý (YoY)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình. Tăng trưởng GDP năm

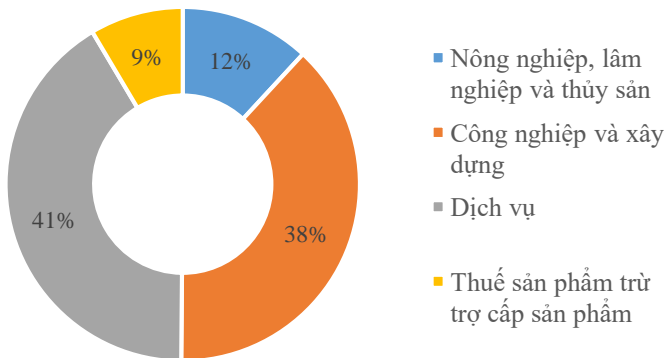


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2022 ước tính tăng 5.92% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 4.7% và 5.17% của cùng kỳ năm 2020 và 2021 nhưng thấp hơn tốc độ tăng của quý IV các năm 2011-2019. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3.85%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4.22%; khu vực dịch vụ tăng 8.12%.

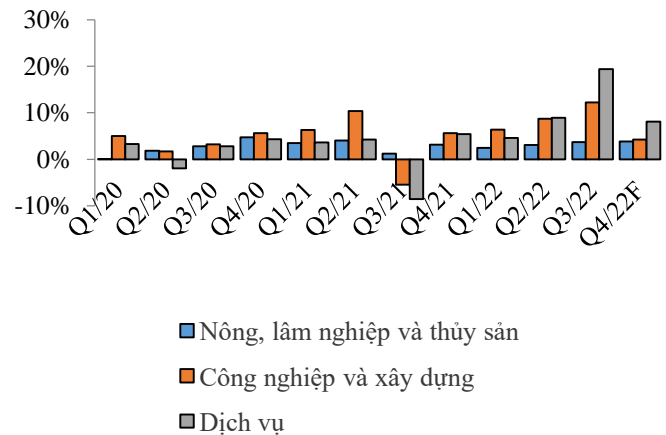
Ước tính GDP năm 2022 tăng 8.02% (quý I tăng 5.05%; quý II tăng 7.83%; quý III tăng 13.71%; quý IV tăng 5.92%) so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3.36%, đóng góp 5.11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7.78%, đóng góp 38.24%; khu vực dịch vụ tăng 9.99%, đóng góp 56.65%.

Hình. Tỷ trọng đóng góp GDP 2022



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình. Tăng trưởng GDP phân theo khối (YoY)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

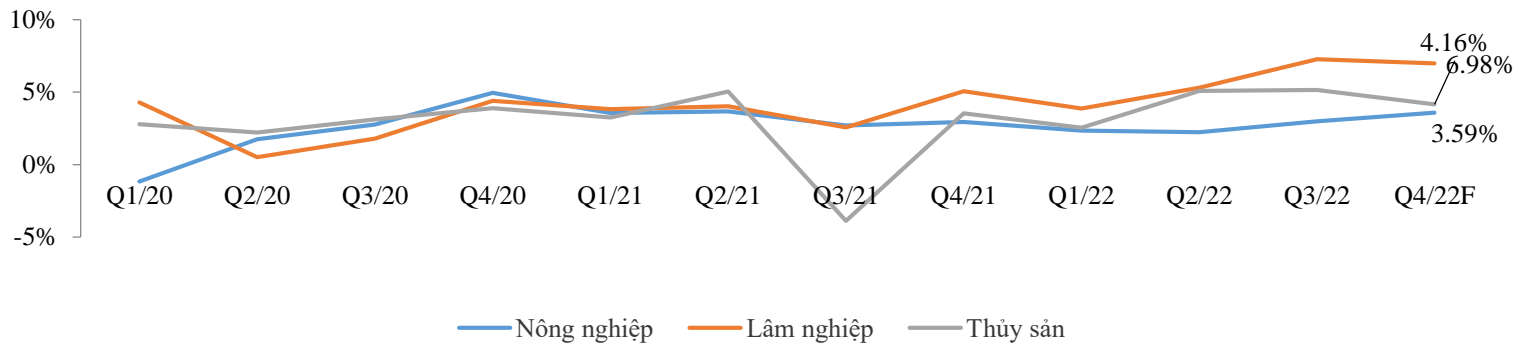
Về cơ cấu nền kinh tế năm 2022, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11.88%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38.26%; khu vực dịch vụ chiếm 41.33%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8.53%.

Về sử dụng GDP năm 2022, tiêu dùng cuối cùng tăng 7.18% so với năm 2021, đóng góp 49.32% vào tốc độ tăng chung; tích lũy tài sản tăng 5.75%, đóng góp 22.59%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 4.86%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 2.16%; chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đóng góp 28.09%...

Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2022 ước đạt 9.513 triệu tỷ đồng, tương đương 409 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2022 theo giá hiện hành ước đạt 95.6 triệu đồng/người, tương đương 4,110 USD, tăng 393 USD so với năm 2021. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2022 theo giá hiện hành ước tính đạt 188.1 triệu đồng/lao động (tương đương 8,083 USD/lao động, tăng 622 USD so với năm 2021). **Dự báo GDP Việt Nam 2023 tăng trưởng 6.2 - 6.7%.**

1. Nông, lâm, ngư nghiệp phát triển ổn định

Hình. Tăng trưởng lĩnh vực Nông lâm ngư (YoY)



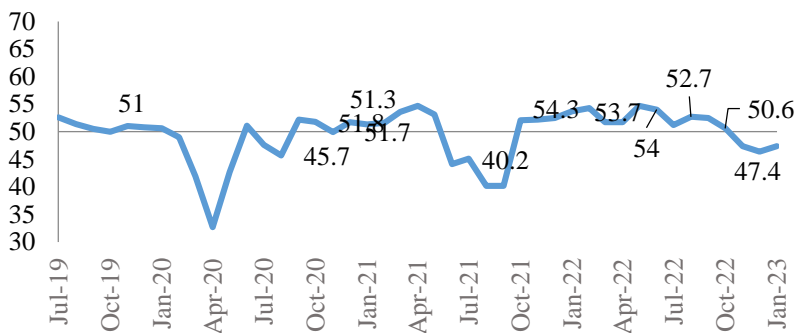
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Năng suất lúa mùa đạt khá; chăn nuôi phát triển ổn định, dịch bệnh được kiểm soát tốt. Tính đến ngày 15/01/2023, cả nước gieo cấy được 1,882.1 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 99.9% cùng kỳ năm trước. Trong đó: các địa phương phía Bắc đạt 105.1 nghìn ha, bằng 79.6%; các địa phương phía Nam đạt 1.777 nghìn ha, bằng 101.4%, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1,434.9 nghìn ha, bằng 99.8%. Diện tích rừng trồng mới tập trung cả nước tháng 01/2023 ước đạt 8.1 nghìn ha, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2022; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 4.5 triệu cây, tăng 4.9%; sản lượng gỗ khai thác đạt 951.6 nghìn m³, tăng 1.6%.

Sản lượng thủy sản tháng 01/2023 ước tính đạt 592.1 nghìn tấn, tăng 0.2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 333.7 nghìn tấn, tăng 3.5%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 258.4 nghìn tấn, giảm 3.8%, trong đó sản lượng thủy sản khai thác biển ước tính đạt 244.8 nghìn tấn, giảm 4%.

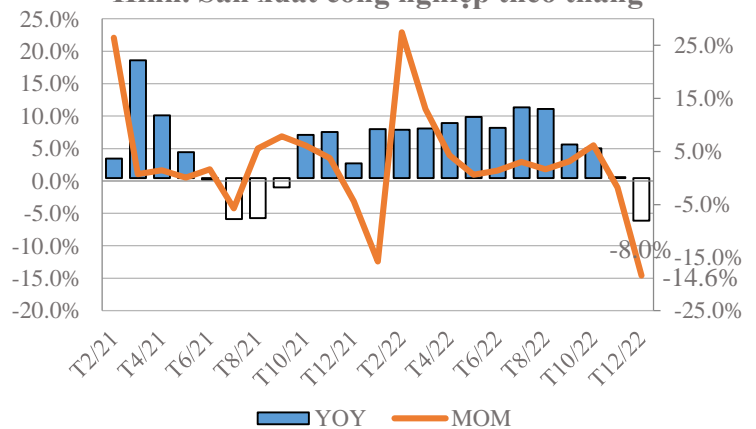
2. Khối công nghiệp đã có dấu hiệu sụt giảm mạnh so với cùng kỳ

Hình. Chỉ số PMI công nghiệp



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình. Sản xuất công nghiệp theo tháng



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 01/2023 ước giảm 14.6% so với tháng trước và giảm 8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, so với cùng kỳ năm trước, ngành chế biến, chế tạo giảm 9.1%, làm giảm 7 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành khai khoáng giảm 4.9%, làm giảm 0.8 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện giảm 3.4%, làm giảm 0.3 điểm phần trăm; riêng ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3.7%, đóng góp 0.1 điểm phần trăm...

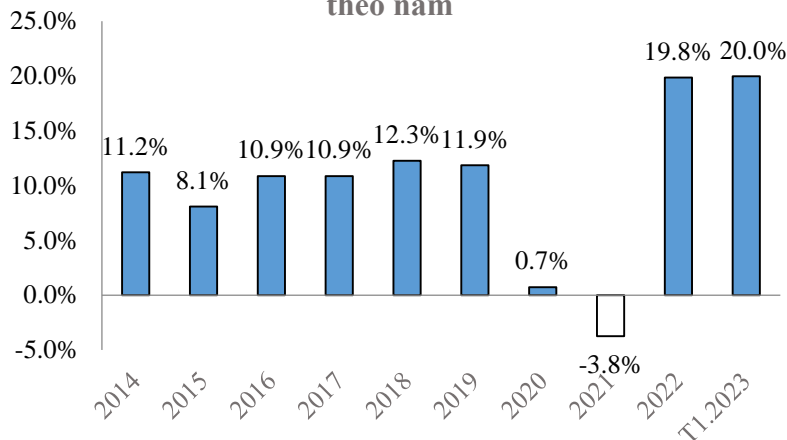
Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Purchasing Managers' Index (PMI) ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global đạt 47.4 điểm trong tháng 1, tăng so với mức 46.4 điểm trong tháng 12 nhưng vẫn cho thấy sức khỏe ngành sản xuất suy giảm mạnh. Các điều kiện hoạt động đã xấu đi hơn trong suốt ba tháng qua...

3. Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ duy trì sự bùng nổ tăng trưởng

Tháng Một trùng với Tết Nguyên Đán, nhu cầu tiêu dùng, mua sắm của người dân tăng cao nên hoạt động thương mại và dịch vụ diễn ra khá sôi động và có mức tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Một năm 2023 tăng 20% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành gấp 2.1 lần.

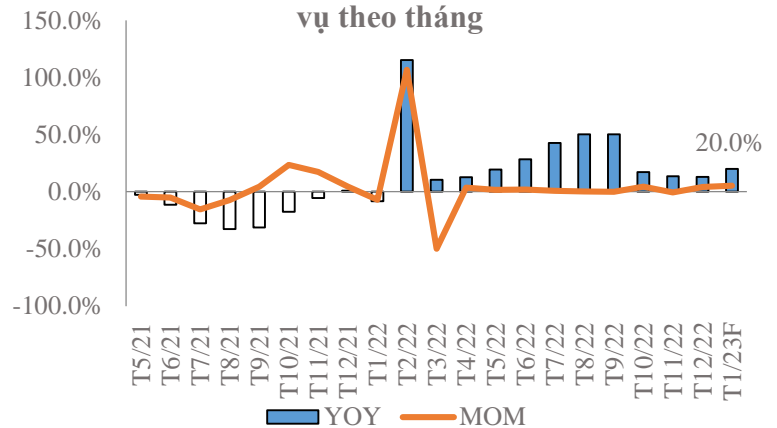
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Một năm 2023 ước đạt 544.8 nghìn tỷ đồng, tăng 5.2% so với tháng trước và tăng 20% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 15.8% (cùng kỳ năm 2022 giảm 4%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 01/2023 tăng 34.2% so với tháng 01/2019 - năm trước khi xảy ra dịch Covid-19.

Hình. Tăng trưởng bán lẻ hàng hóa và dịch vụ theo năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

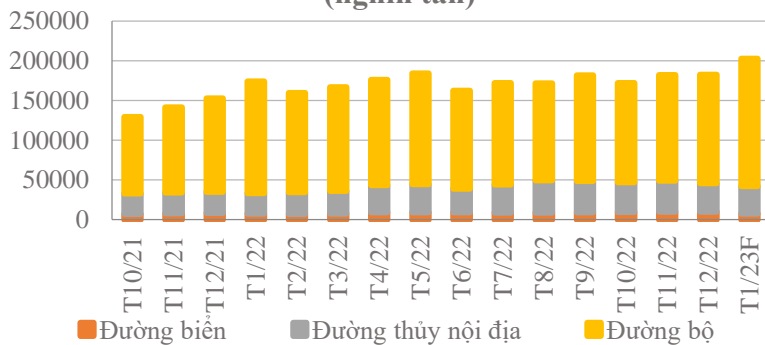
Hình. Tăng trưởng bán lẻ hàng hóa và dịch vụ theo tháng



Nguồn: Tổng cục Thống kê

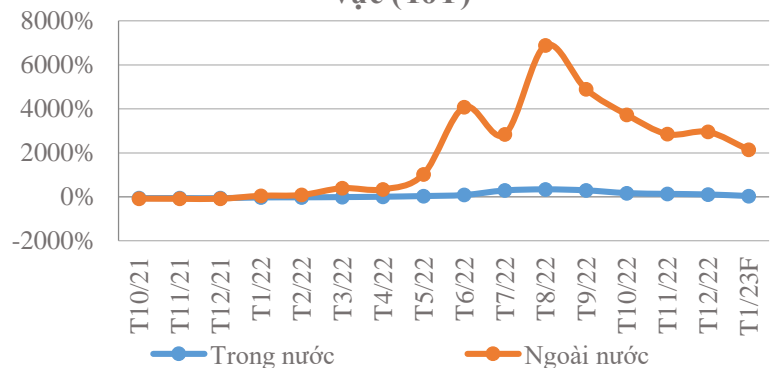
Mặc dù vậy, quy mô tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Một năm nay chỉ đạt 88.1% quy mô của chỉ tiêu này nếu ước tính trong điều kiện bình thường không xảy ra dịch Covid-19 từ năm 2020 đến nay.

Hình. Vận tải hàng hóa theo loại hình (nghìn tấn)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình. Vận tải hành khách chia theo khu vực (YoY)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Vận tải hành khách tháng Một ước đạt 341.7 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 11.9% so với tháng trước và tăng 34.7% so với cùng kỳ năm trước; luân chuyển đạt 19 tỷ lượt khách.km, tăng 16% và tăng 71.3%. Vận tải hàng hóa tháng Một ước đạt 202.8 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 5.4% so với tháng trước và tăng 16.2% so với cùng kỳ năm trước; luân chuyển đạt 34 tỷ tấn.km, giảm 14.9% và tăng 5.3%...

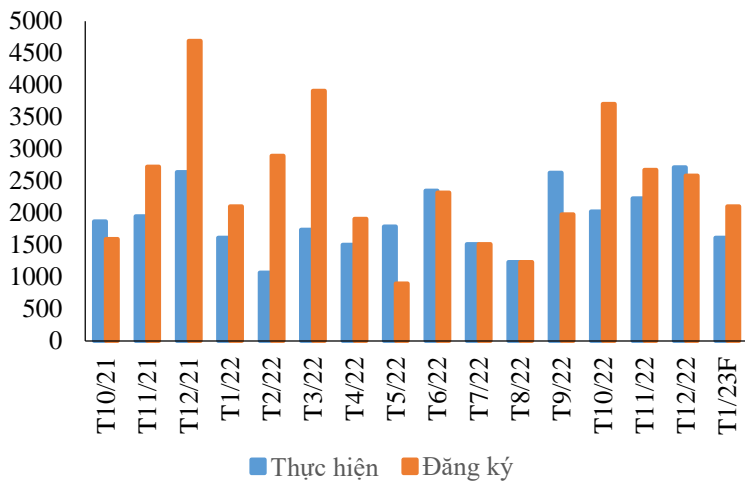
Khách quốc tế đến Việt Nam tháng Một đạt 871.2 nghìn lượt người, tăng 23.2% so với tháng trước và gấp 44.2 lần cùng kỳ năm trước do Việt Nam đã mở cửa du lịch, các đường bay quốc tế được khôi phục trở lại. Tuy nhiên, khách quốc tế đến Việt Nam tháng Một năm nay vẫn giảm 42% so với cùng kỳ năm 2019, năm chưa xảy ra dịch Covid-19...

4. FDI: FDI giảm mạnh trong tháng 01/2023

Năm 2022 nguồn vốn FDI vào Việt Nam vẫn còn rất ổn định (FDI thực hiện cao kỷ lục 10 năm), thì trong tháng 1, con số FDI đã cho thấy những suy yếu đầu tiên. Tính đến 20/01/2023, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp (GVMCP) của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 1.69 tỷ USD, giảm 19.8% so với cùng kỳ năm 2022. Vốn thực hiện của dự án đầu tư nước ngoài ước đạt khoảng 1.35 tỷ USD, giảm 16.3% so với cùng kỳ năm 2022.

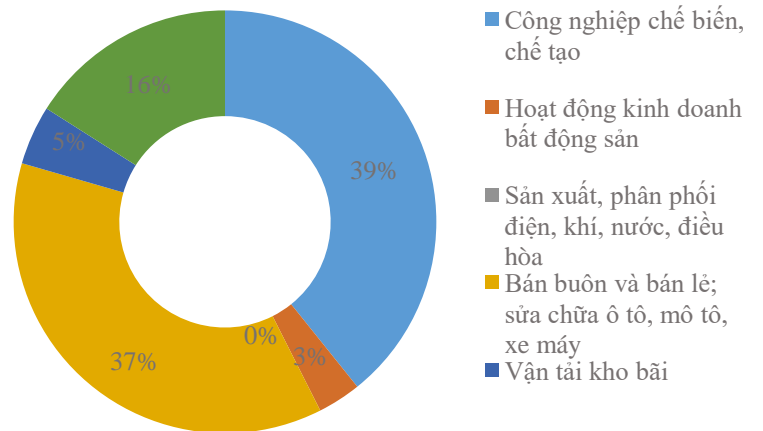
Tuy tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam trong tháng 01/2023 giảm gần 20% so với cùng kỳ năm 2022, tuy nhiên, có một điểm tích cực là Việt Nam đã cấp mới cho 153 dự án FDI mới, với tổng vốn đăng ký đạt 1.2 tỷ USD, tăng 48.5% về số dự án và gấp 3.1 lần về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước.

Hình. FDI theo tháng



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình. Lũy kế từ đầu năm đăng ký FDI theo lĩnh vực



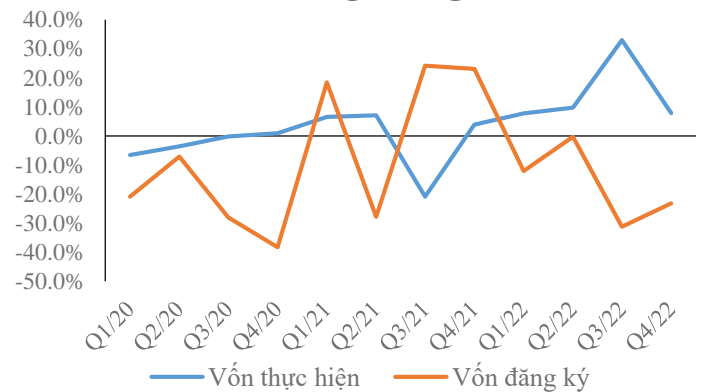
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong số các dự án FDI được cấp mới, những dự án liên quan đến lĩnh vực bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác có tỷ lệ vốn đăng ký lớn nhất, đạt 651.9 triệu USD, chiếm 54.1% tổng vốn đăng ký cấp mới. Tiếp theo là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 351.2 triệu USD, chiếm 29.1%; các ngành còn lại đạt 201.9 triệu USD, chiếm 16.8%.

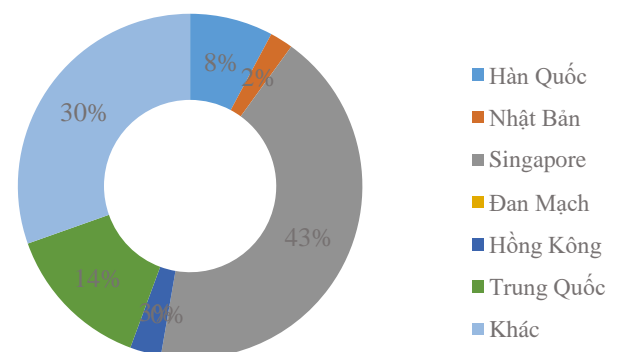
Ở chiều ngược lại, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong tháng 01/2023 có 3 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 126.6 triệu USD, gấp 2.9 lần so với cùng kỳ năm trước; đồng thời, có 1 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh thêm 140.4 triệu USD.

Trong tháng 01/2023, có 3 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam; trong đó, Hàn Quốc là nước dẫn đầu với 125.1 triệu USD - chiếm 98.7% tổng vốn đầu tư; Thái Lan 1.5 triệu USD - chiếm 1.2%; Lào 140.4 nghìn USD - chiếm 0.1%.

Hình. Tăng trưởng FDI



Hình. Đăng ký FDI theo quốc gia

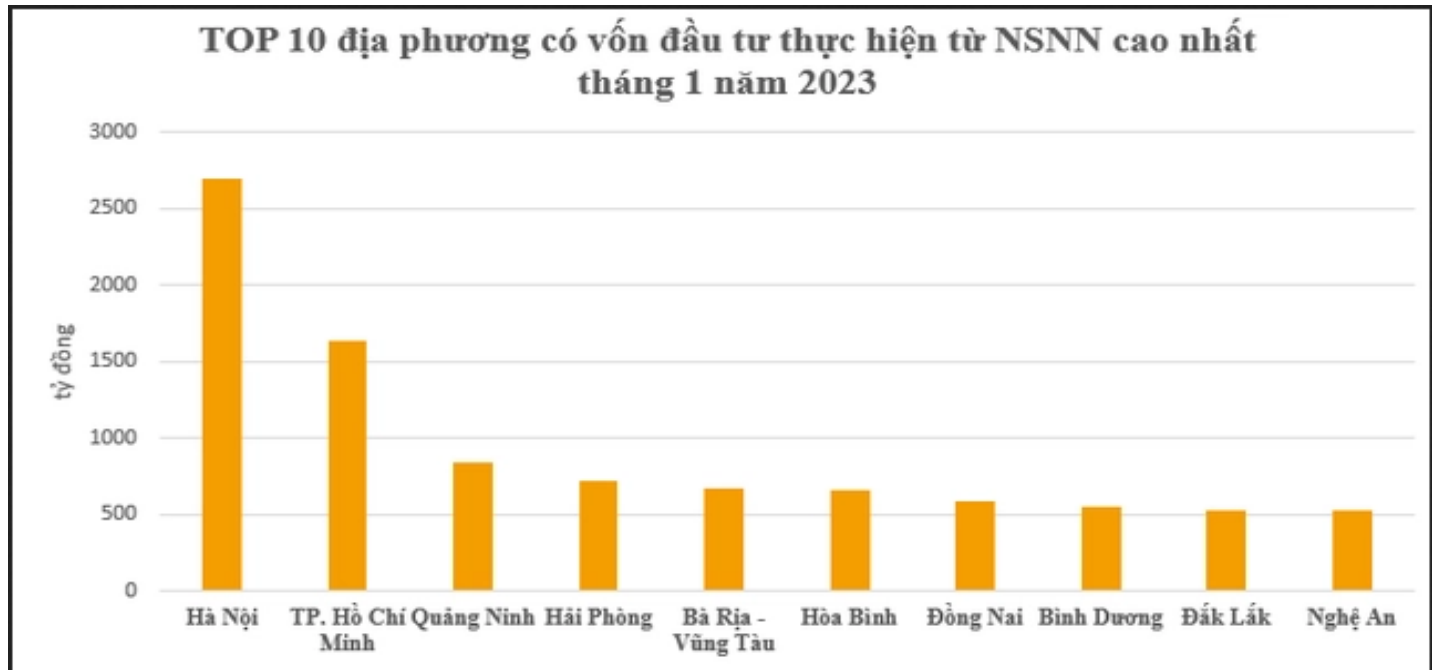


Nguồn: Tổng cục Thống kê

5. Vốn đầu tư tăng trưởng nhẹ so với cùng kỳ

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước trong tháng 1 ước đạt 27 nghìn tỷ đồng, bằng 4% kế hoạch năm và tăng 3.2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 4.4% và tăng 12.4%). Cụ thể: Vốn đầu tư thực hiện do Trung ương quản lý đạt 4.2 nghìn tỷ đồng, bằng 3.1% kế hoạch năm và tăng 15.7% so với cùng kỳ năm trước; vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý đạt 22.8 nghìn tỷ đồng, bằng 4.2% kế hoạch năm và tăng 1.2% so với cùng kỳ năm 2022.

Xét theo địa phương, trong tháng 1 năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước của Hà Nội dẫn đầu cả nước, tiếp đến là TP Hồ Chí Minh và Quảng Ninh.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

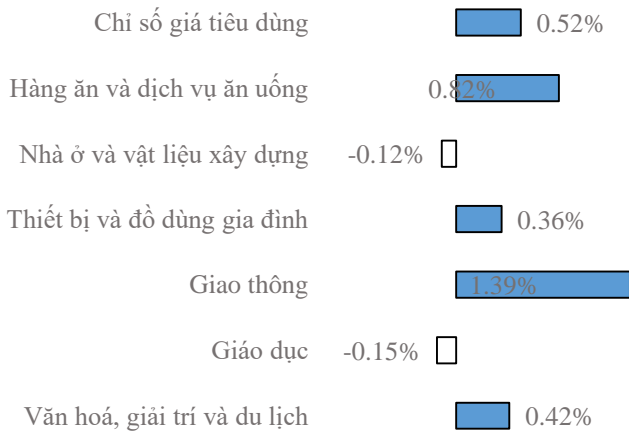
6. CPI tăng cao trở lại trong tháng 01/2023

Tết Nguyên Đán Quý Mão rơi vào tháng 01/2023 nên nhu cầu mua sắm của người dân tăng cao, giá hàng hóa và dịch vụ tăng theo quy luật tiêu dùng vào dịp Tết; giá xăng dầu trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới và điều chỉnh theo mức thuế bảo vệ môi trường từ 01/01/2023 là những yếu tố làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01/2023 tăng 0.52% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2022, CPI tháng Một tăng 4.89%; lạm phát cơ bản tháng 01/2023 tăng 5.21%.

Trong mức tăng 0.52% của CPI tháng 01/2023 so với tháng trước có 08 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, 02 nhóm hàng có chỉ số giá giảm và 01 nhóm hàng giữ giá ổn định. Nhóm giao thông có mức tăng cao nhất, tăng 1.39% (làm CPI chung tăng 0.13 điểm phần trăm) chủ yếu do giá xăng dầu được điều chỉnh tăng vào ngày 01/01/2023, 03/01/2023 và 11/01/2023 theo giá nhiên liệu thế giới. Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 1.12% do nhu cầu tiêu dùng và sử dụng làm quà biếu tặng trong dịp Tết khiến giá rượu bia tăng 1.66%; thuốc hút tăng 0.71%; đồ uống không cồn tăng 0.49%. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0.82% (tác động làm CPI chung tăng 0.27 điểm phần trăm). Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0.7%, tập trung ở giá nhóm đồ trang sức tăng 0.59%; dịch vụ cắt tóc, gội đầu tăng 2.22%; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng 2.34%...

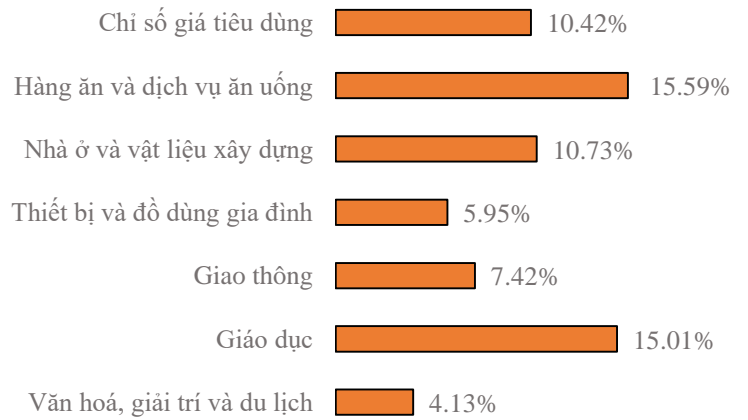
Hai nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm gồm: Nhóm Giáo dục giảm 0.15% (làm CPI chung giảm 0.01 điểm phần trăm), trong đó Dịch vụ giáo dục giảm 0.2%. Nhóm Nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0.12% do giá gas giảm 4.69% từ ngày 01/01/2023, giá gas trong nước điều chỉnh giảm 14.000-23.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới giảm 52.5 USD/tấn (từ mức 650 USD/tấn xuống mức 597.5 USD/tấn); giá dầu hỏa giảm 2.12%...

Hình. Chỉ số giá tiêu dùng MoM



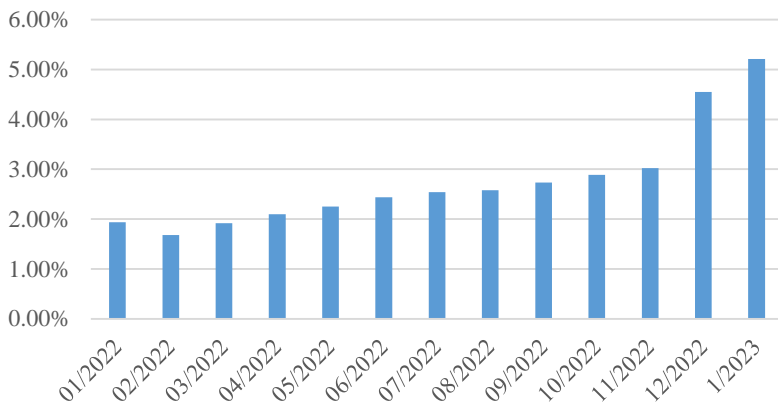
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình. Lạm phát trung bình tháng 1



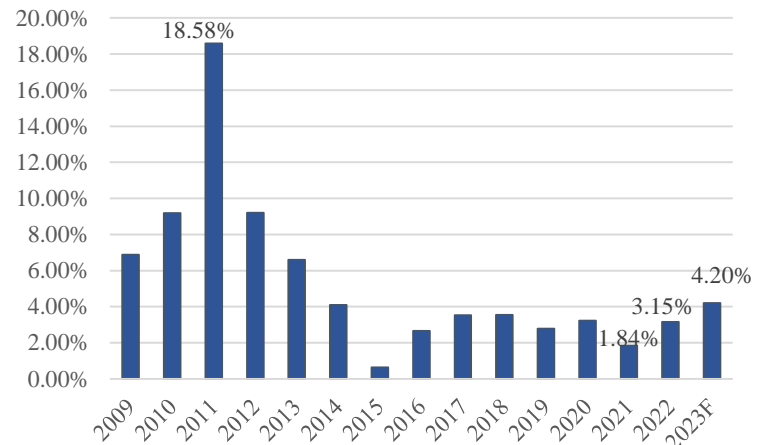
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình. Chỉ số giá tiêu dùng T1/2023 so với cùng kỳ



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tăng trưởng lạm phát

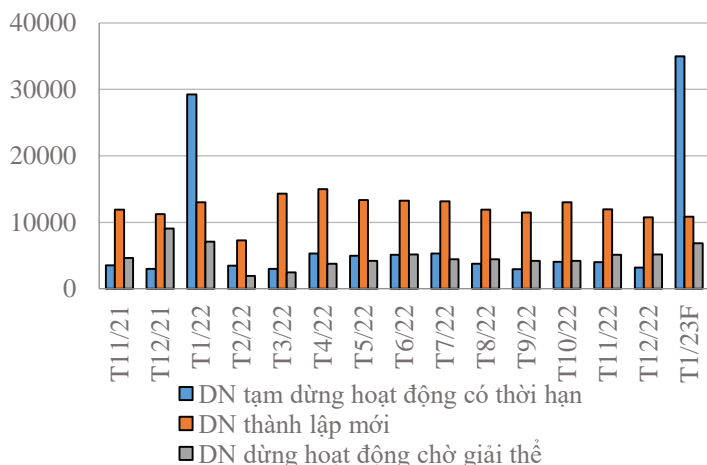


Nguồn: CSI tổng hợp và dự báo

Dự đoán lạm phát của Việt Nam năm nay đạt 3.8 - 4.2% vào cuối năm 2023, dưới mức mục tiêu 4% của Chính phủ.

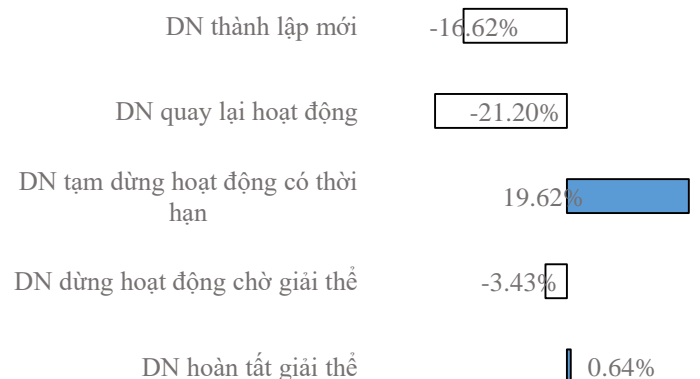
7. Hoạt động doanh nghiệp có nhiều khởi sắc

Hình. Tình hình đăng ký doanh nghiệp



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình. Tình hình đăng ký doanh nghiệp tháng 1 (YOY)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

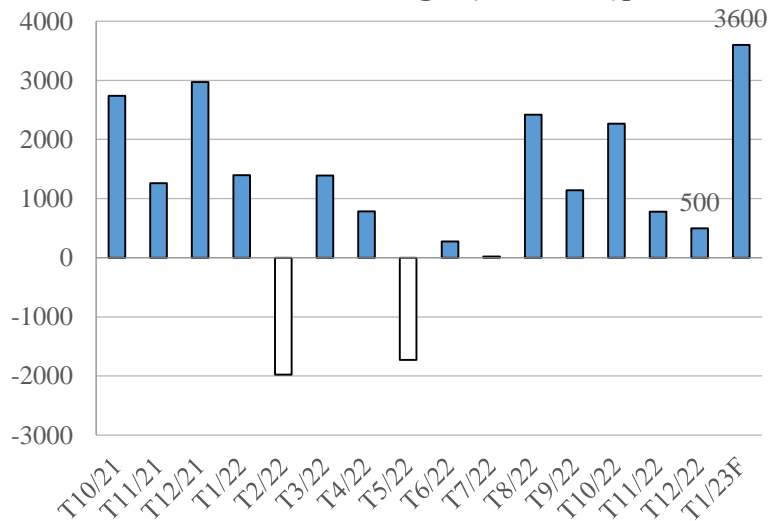
Trong tháng Một năm 2023, cả nước có 10.8 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, tăng 0.7% so với tháng trước và giảm 16.6% so với cùng kỳ năm trước; có 15.1 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 146.8% và giảm 21.2%, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động tháng 01/2023 lên 25.9 nghìn doanh nghiệp, giảm 19.3% so với cùng kỳ năm trước.

Cũng trong tháng 01/2023, có 34.994 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 19.6% so với cùng kỳ năm 2022; có 6.841 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 3.4%; có 2.038 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 0.6%.

Theo khu vực kinh tế, tháng 01/2023 có 125 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 43.9% so với tháng 01/2022; 2.540 doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, giảm 22.9%; 8.178 doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, giảm 13.8%.

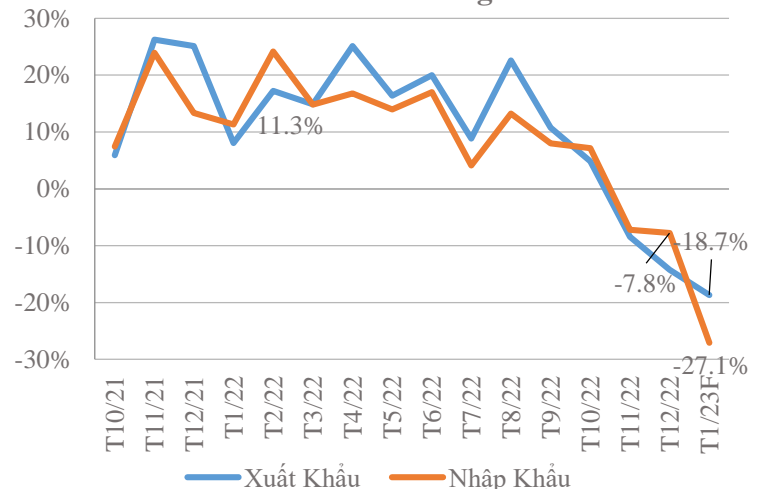
8. Xuất nhập khẩu có tháng suy giảm thứ 3 liên tiếp, nhưng thặng dư cao

Hình. Cán cân thương mại xuất nhập khẩu



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình. Tăng trưởng xuất nhập khẩu theo tháng



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Về xuất khẩu, trong tháng 1/2023 ước đạt 25.08 tỷ USD, giảm 13.6% so với tháng trước, trong đó: khu vực kinh tế trong nước đạt 6.44 tỷ USD, giảm 18%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 18.64 tỷ USD, giảm 12%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 01/2023 giảm 21.3%, trong đó: khu vực kinh tế trong nước giảm 27.1%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) giảm 19%.

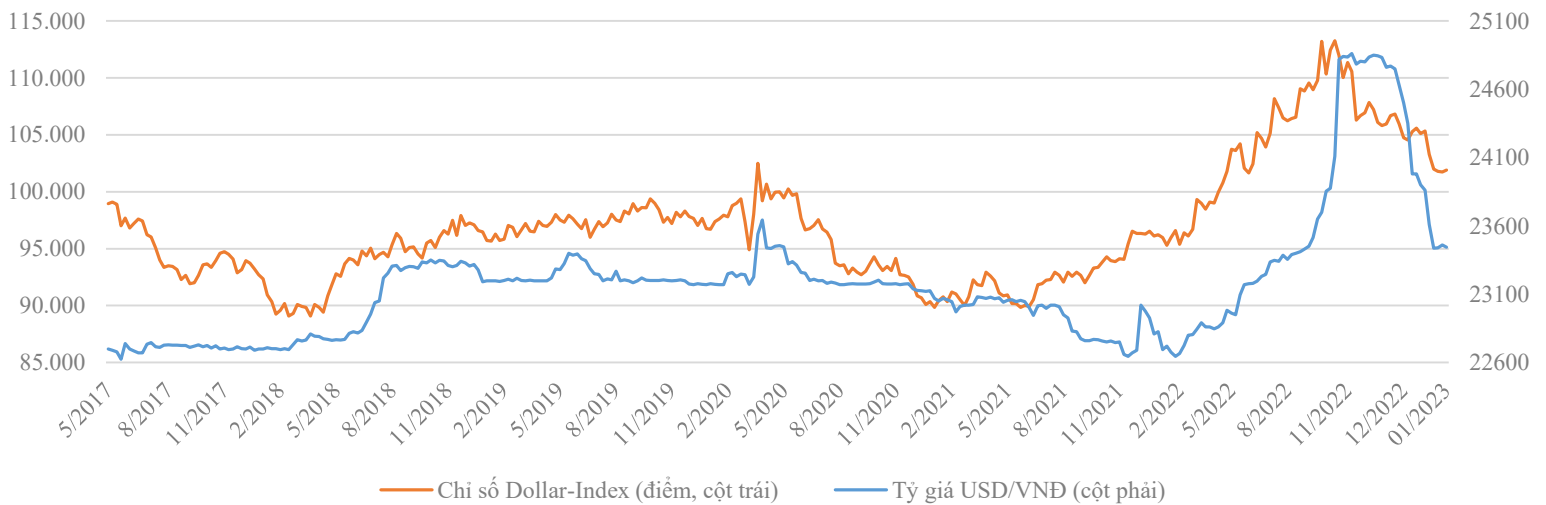
Từ chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2023 ước đạt 21.48 tỷ USD, giảm 21.3% so với tháng trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước đạt 7.48 tỷ USD, giảm 26.6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 14 tỷ USD, giảm 18.1%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2023 giảm 28.9%, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước giảm 25.9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm 30.4%.

Cán cân thương mại: Tháng 01/2023 ước tính xuất siêu 3.6 tỷ USD. Trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 1.04 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 4.64 tỷ USD.

PHẦN 2. LÃI SUẤT VÀ TIỀN TỆ

1. Tỷ giá

Tỷ giá USD/VND và Chỉ số Dollar-Index



Nguồn: CSI tổng hợp

Đồng đô la Mỹ trên thị trường thế giới giảm trong bối cảnh lạm phát của Mỹ tháng 12/2022 tăng 6.5% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến ngày 31/01/2023, chỉ số đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 101.915 điểm, giảm 1.35 điểm (-1.31%) phần trăm so với tháng trước. Mặc dù Fed vẫn tiếp tục tăng lãi suất trong năm 2023, cụ thể trong ngày 01/02/2023 Fed tăng thêm 0.25%, đây là lần tăng thứ 8 liên tiếp của Fed, nhưng xu hướng của đồng USD đang có chiều hướng giảm trong vài tháng trở lại đây, sau khi đạt đỉnh từ tháng 11/2022.

Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 23.440 VND/USD, đóng cửa trong ngày giao dịch cuối cùng của tháng 1/2023 ở mức 23,445 VND/USD, giảm 165 VND so với tháng 12/2022 (-0.7%). Tương tự như xu hướng của chỉ số Dollar-Index, tỷ giá USD/VND cũng có xu hướng điều chỉnh nhẹ trong 2 tháng trở lại đây. Chúng tôi tiếp tục giữ quan điểm về việc tỷ giá khó có việc tăng nóng như trong năm 2022. Vấn đề điểm nóng về tỷ giá đã được giải quyết, nhưng với việc tăng lãi suất của Fed chưa có tín hiệu dừng lại, nên VND vẫn có khả năng mất giá so với USD trong năm 2023, nhưng độ mất giá sẽ không còn lớn. Chúng tôi giữ nguyên quan điểm dự báo VND sẽ mất giá khoảng (2 - 2.5%) trong 2023.

Tỷ giá VND

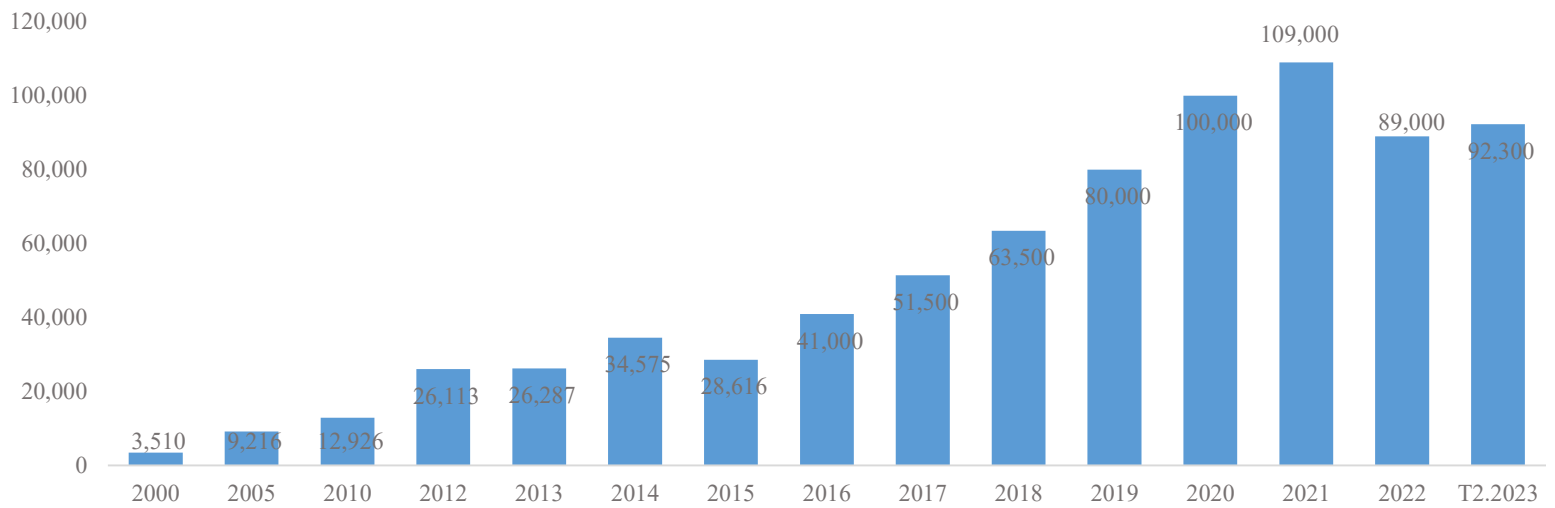


Nguồn: Wichart.vn

1. Tỷ giá

Với việc chỉ số Dollar-Index giảm so với 2 tháng trước đó, cộng với tỷ giá trong nước đã lắng xuống, thậm chí đã sụt giảm rất mạnh tính từ khi lập đỉnh giữa tháng 11, thì hiện tại tỷ giá USD/VND đã bình ổn. Vì vậy sau khoảng thời gian liên tục bán USD trong năm 2022, NHNN đã có động thái bắt đầu mua lại USD để bổ sung nguồn dự trữ từ tháng 01/2023. Ước tính trong tháng 01/2023, NHNN đã thu mua 2.78 tỷ USD. Tính từ đầu năm 2023 đến nay (tức 10/02/2023), NHNN đã mua 3.3 tỷ USD, nâng dự trữ ngoại hối từ mức 89 tỷ USD cuối năm 2022 lên thành 92.3 tỷ USD.

Dự Trữ Ngoại Hối (Triệu USD)



Nguồn: CSI tổng hợp

Giá chào mua của NHNN trong thời gian vừa qua, dao động quanh mức 23.450 VND/USD. Chúng tôi dự báo NHNN sẽ tiếp tục mua USD trong thời gian tới để bổ sung thêm lượng dự trữ ngoại hối, ước đoán dự trữ ngoại hối cuối năm 2023 sẽ trên 100 tỷ USD, nằm trong khoảng (102 - 105) tỷ USD.

2. Lãi suất: SBV giữ nguyên lãi suất điều hành sau 2 lần tăng trong năm 2022

Thanh khoản hệ thống

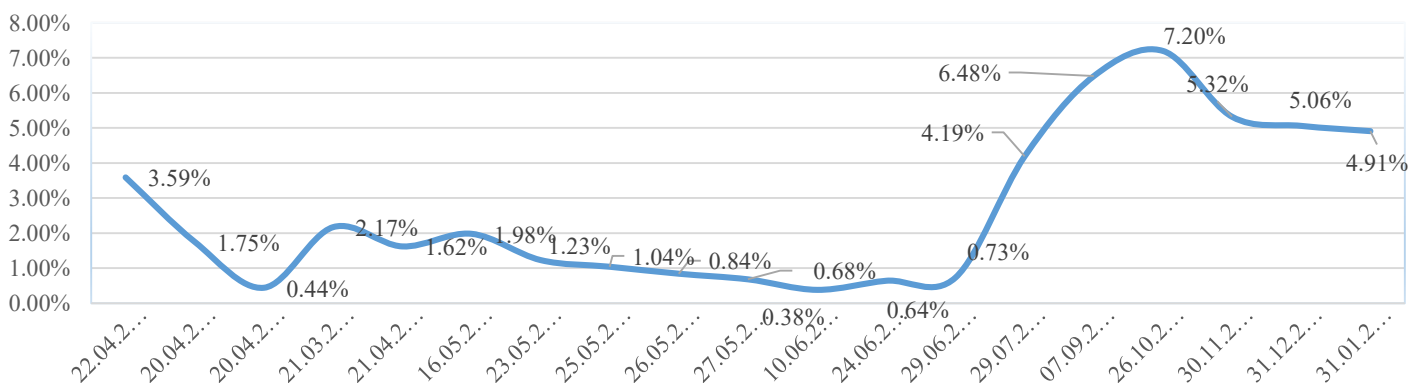


Nguồn: Wichart.vn

Sau 2 lần tăng lãi suất điều hành trong năm 2022 thì hết tháng 01/2023 NHNN vẫn giữ nguyên lãi suất điều hành mà chưa có sự can thiệp thay đổi đáng chú ý nào, mặc dù Fed tiếp tục tăng lãi suất 3 lần sau hành động thay đổi lãi suất của SBV. Lãi suất điều hành vẫn được giữ nguyên từ ngày 25/10/2022 với các mức: Lãi suất tái cấp vốn 6.0%/năm; lãi suất tái chiết khấu 4.5%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với TCTD 7.0%/năm.

Xu hướng chính là thắt chặt tiền tệ trong năm 2022 và Việt Nam cũng không đi lệch xu hướng chung của toàn cầu. Xu hướng này khả năng sẽ còn kéo dài đến Q2/2023 nhưng xác suất để SBV tiếp tục tăng thêm lãi suất trong 2023 là không cao, khi mặt bằng lãi suất ở Việt Nam hiện tại đang khá cao, ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp. Chúng tôi kỳ vọng SBV sẽ giữ bình ổn lãi suất trong 2023 mà không có thêm một hành động tăng lên lãi suất nữa. Thậm chí vẫn đề nghị giảm lãi suất điều hành 0.25% từ Q3/2023.

Lãi suất qua đêm một số thời điểm



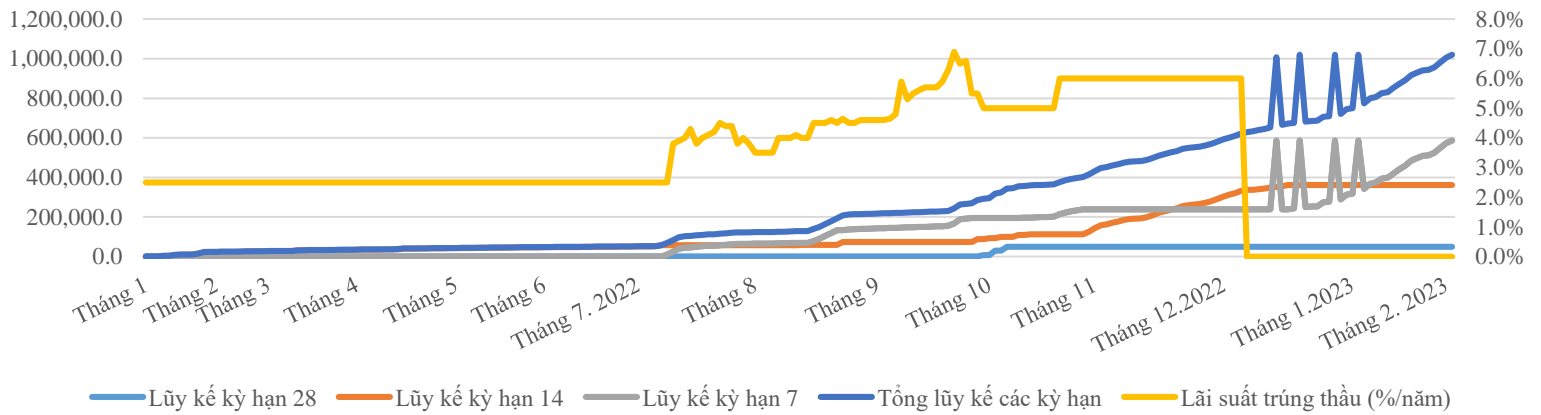
Nguồn: SBV, CSI tổng hợp

Xu hướng lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh đã bắt đầu cách đây 4 tháng khi SBV chưa tăng lãi suất điều hành (rục rịch tăng khi NHNN khởi động kênh tín phiếu hút tiền về) và lập tức bật tăng mạnh trong tháng 9 và tháng 10 năm 2022 khi lãi suất điều hành được chính thức công bố tăng. Còn hiện tại lãi suất liên ngân hàng đã có sự giảm nhiệt, dao động quanh mốc 5.0% trong tháng 01/2023. Lãi suất qua đêm liên ngân hàng theo quan sát của chúng tôi cũng đang đi vào xu hướng ổn định, khó có mức biến động mạnh như 2022...

2. Lãi suất: SBV giữ nguyên lãi suất điều hành sau 2 lần tăng trong năm 2022

Dưới sức ép của lạm phát, các Ngân hàng Trung ương (NHTW) trên thế giới đã phải tăng lãi suất, và dường như đến cuối tháng 1 2023 xu hướng này mới có dấu hiệu giảm nhiệt, chứ chưa dừng lại. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng chung của toàn thế giới với chính sách thắt chặt tiền tệ. Bên cạnh tăng lãi suất điều hành thêm 1% trong 2 lần liên tiếp trong 2022, thì trong thời gian trước NHNN Việt Nam cũng đã hút tiền về trên thị trường mở, bắt đầu từ tháng 06/2022.

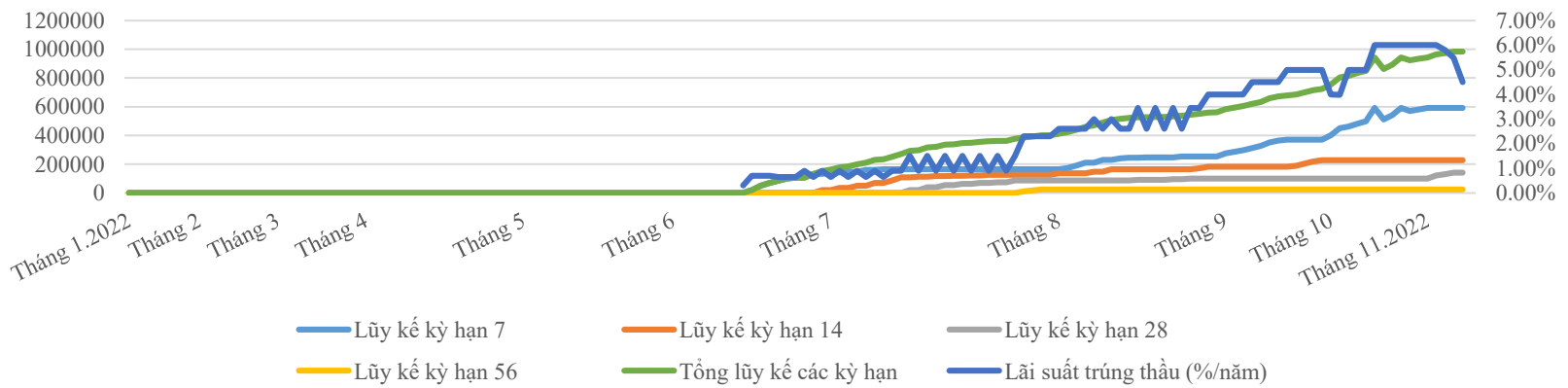
Diễn biến mua các kỳ hạn



Nguồn: SBV, CSI tổng hợp

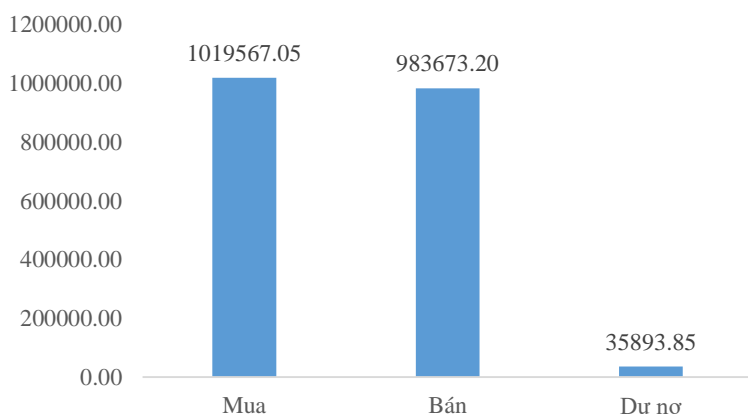
Tuy nhiên, trong tháng cuối năm 2022, xu hướng thắt chặt đã không còn căng thẳng như trước, mà đã có những tín hiệu nới lỏng hơn, thể hiện qua việc bơm tiền mạnh trong những tuần cuối của tháng 12 và duy trì tiếp trong tháng 01/2023.

Diễn biến bán các kỳ hạn năm 2022

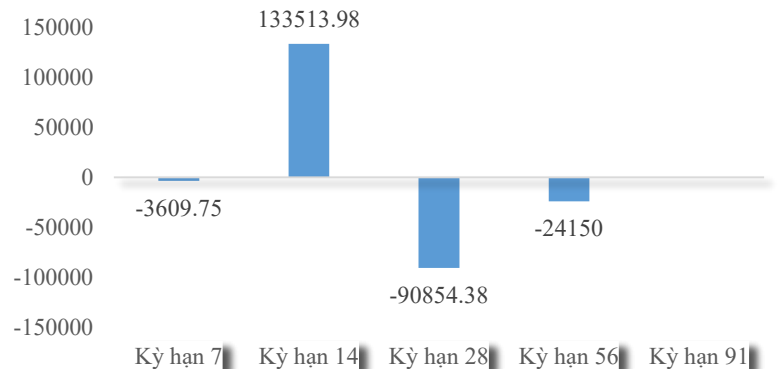


Nguồn: SBV, CSI tổng hợp

Tổng mua bán các kỳ hạn 2022 -2023
(Đơn vị: tỷ đồng)



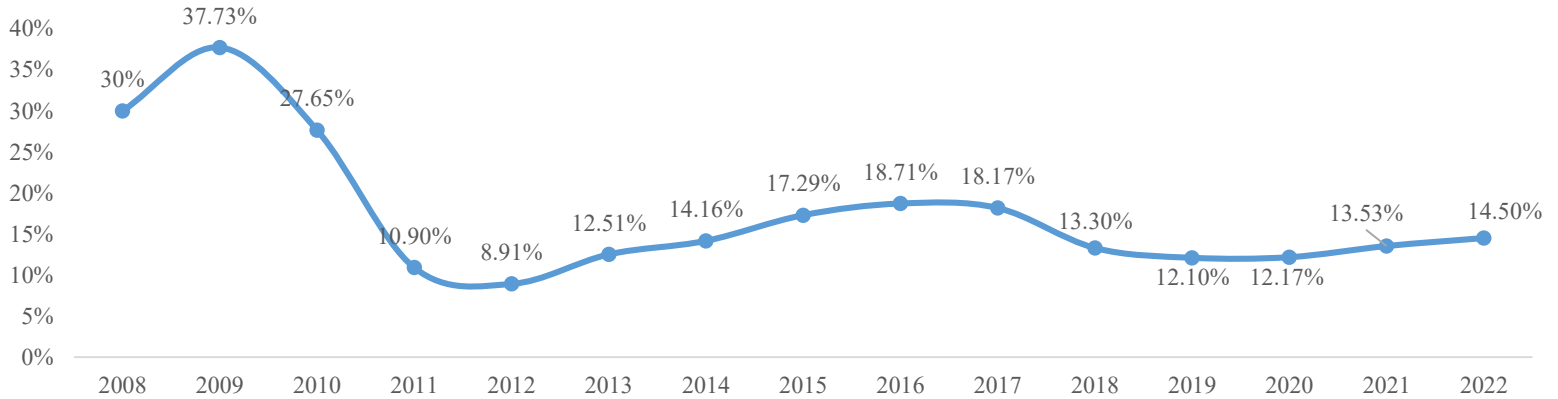
Dư nợ các kỳ hạn 2022-2023
(Đơn vị: tỷ đồng)



Nguồn: SBV, CSI tổng hợp

3. Room tín dụng

Tăng trưởng tín dụng (%)



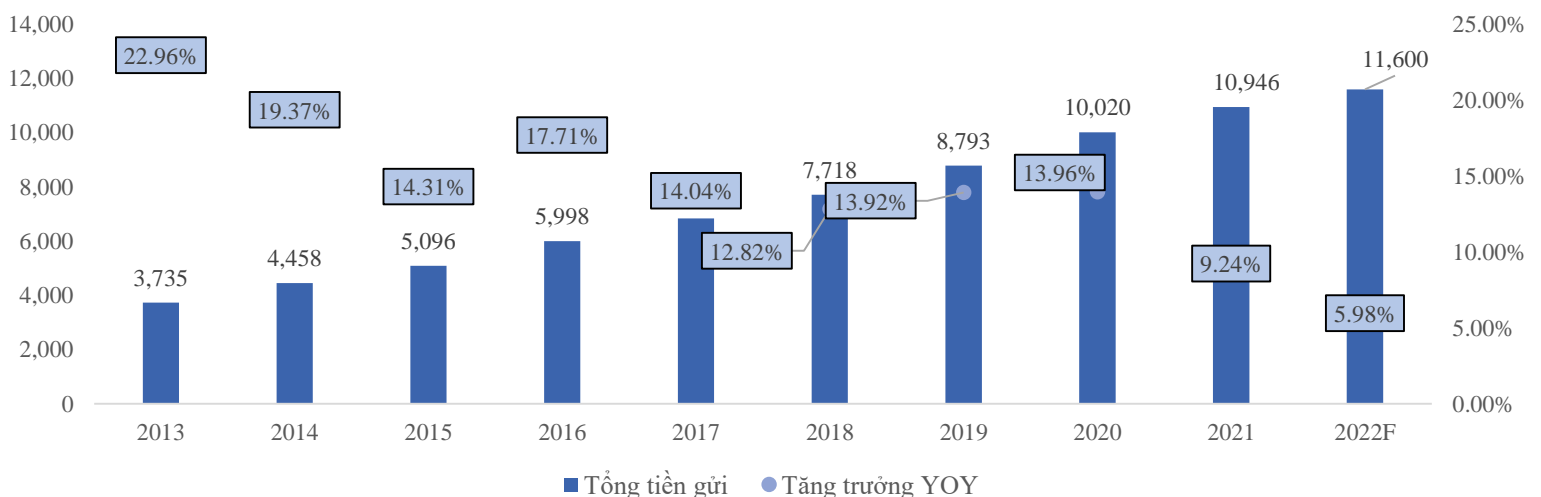
Nguồn: SBV, CSI tổng hợp

Kiên trì theo đuổi mục tiêu tăng trưởng tín dụng 14% từ đầu năm đến hết tháng 11/2022, tuy nhiên, bất ngờ tối 5/12, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho biết đã quyết định điều chỉnh chỉ tiêu tín dụng định hướng năm 2022 thêm khoảng 1.5 - 2.0% (nói room) cho toàn hệ thống các tổ chức tín dụng.

Theo thông tin từ Ngân hàng Nhà nước, dư nợ tín dụng năm 2022 ước tăng khoảng 14.5% so với đầu năm. Ước tính, hệ thống ngân hàng đã bơm ra nền kinh tế hơn 1.5 triệu tỷ đồng trong năm 2022 - mức tăng lớn nhất 5 năm trở lại đây. Như vậy, đến cuối năm 2022, tổng dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế ước đạt xấp xỉ 12 triệu tỷ đồng. Song mức tăng trưởng này vẫn thấp hơn hạn mức mà NHNN cho phép trong năm 2022 là 15.5 - 16.0%.

Bước sang 2023, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng trong năm 2023, trong đó định hướng tín dụng tăng khoảng 14 - 15%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Chúng tôi cũng giữ nguyên dự báo về mức tăng trưởng tín dụng năm 2023 là 15% trong báo cáo cuối năm 2022, mức dự báo này đang sát với mức định hướng của NHNN vừa ban hành chỉ thị.

Tình hình tổng tiền gửi theo năm (nghìn tỷ VND)

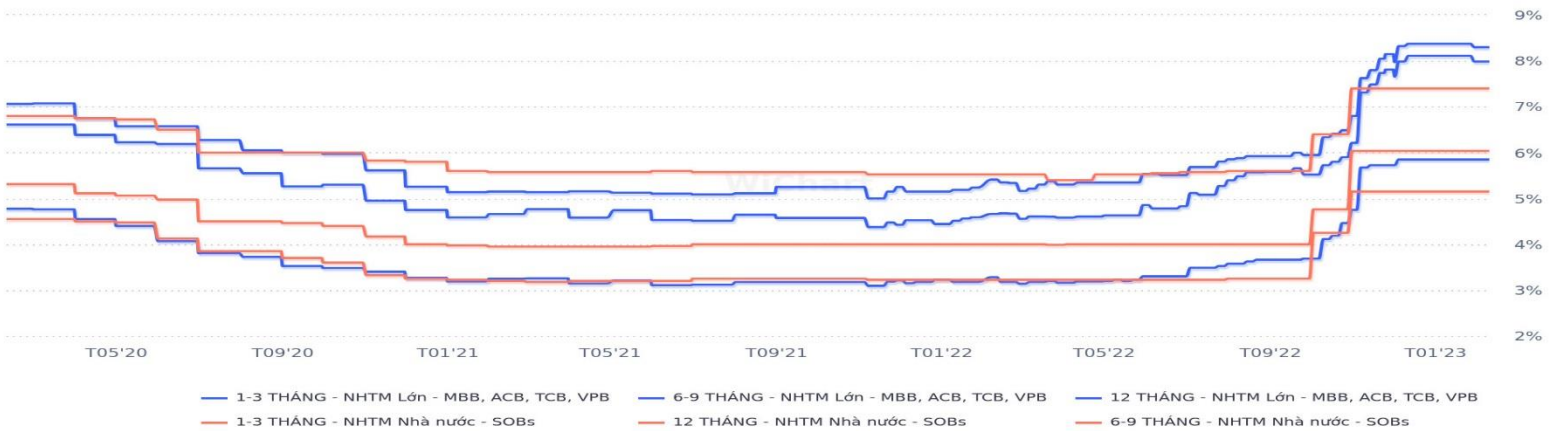


Nguồn: SBV, CSI tổng hợp

Trong khi tín dụng cả năm tăng mạnh, thì huy động tiền gửi lại tăng rất chậm. Cụ thể, tính tới 21/12, tiền gửi chảy vào hệ thống ngân hàng qua kênh tổ chức và dân cư đạt 11.6 triệu tỷ đồng, chỉ tăng khoảng 5.98% so với đầu năm, theo số liệu từ Ngân hàng Nhà nước. Đây là mức tăng tiền gửi thấp nhất của hệ thống ngân hàng trong chục năm trở lại đây.

4. Lãi suất huy động có chiều hướng giảm nhiệt sau khi đạt đỉnh cuối năm 2022.

Lãi suất huy động

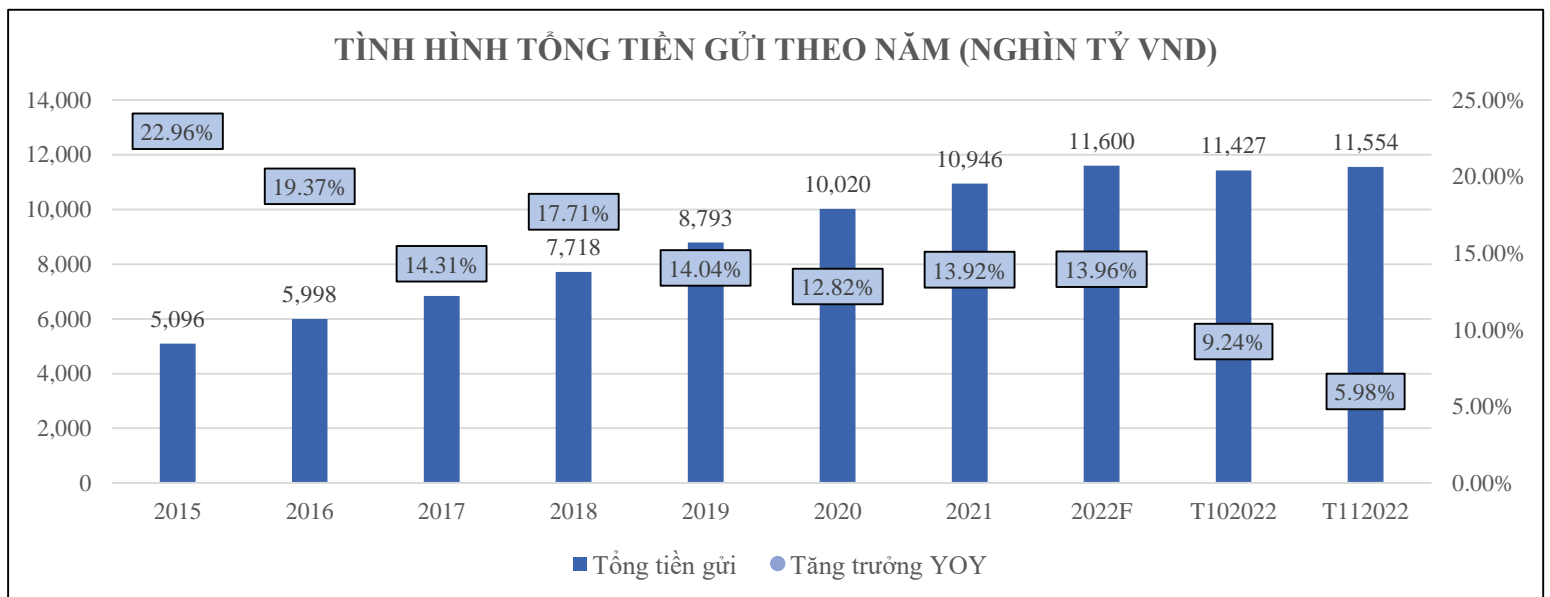


Nguồn: Wichart.vn

Sau động thái tăng lãi suất điều hành từ NHNN, hầu hết các NHTM trong hệ thống đều đã điều chỉnh tăng mặt bằng lãi suất huy động, thậm chí đã diễn ra cuộc đua lãi suất giữa các ngân hàng. Cuộc đua lãi suất huy động tiếp tục kéo dài sang tháng 11 và đầu tháng 12, đặc biệt là sau khi NHNN tăng mạnh lãi suất điều hành lần thứ 2, có hiệu lực từ ngày 25/10 và sau quyết định nới chỉ tiêu tín dụng toàn hệ thống thêm 1.5 – 2.0%.

Đến tháng 12, lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng tại 4 ngân hàng thương mại Nhà nước đã chạm mức 7.4%/năm theo hình thức gửi tiền tại quầy, cá biệt lên trên 9% ở một số sản phẩm tiền gửi. Tại các ngân hàng tư nhân nhỏ và quầy lên tới 8.0% đối với hình thức gửi tiền trực tuyến. Các ngân hàng tư nhân lớn huy động với lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng đã chạm ngưỡng 10%/năm, thậm chí là 11% đối với các khoản tiền gửi lớn.

Bước sang đầu năm 2023, cụ thể trong tháng 1, lãi suất huy động đang có chiều hướng chững lại và giảm nhiệt nhẹ so với cuối năm 2022, hầu hết đều dưới mức 9.5% kỳ hạn 12 tháng.



Nguồn: SBV, CSI tổng hợp

Tính đến cuối năm 2022, tốc độ tăng trưởng huy động vốn thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng tín dụng, cộng với tổng cung tiền M2 tăng thấp nhất so với 10 năm trở lại đây (dự kiến 2022 tăng 6-7% so với năm 2021) là một trong những nguyên nhân khiến lãi suất huy động có chiều hướng tăng mạnh trong thời gian vừa qua.

Tuy nhiên lãi suất cho vay hiện tại đang rất cao, ảnh hưởng đến kinh doanh của doanh nghiệp, nếu tiếp tục duy trì ở mức cao như hiện nay sẽ ảnh hưởng rất lớn tới tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp, chúng tôi kỳ vọng mức lãi suất huy động sẽ giảm nhiệt xuống quanh mức 8.5% cho đến Q2/2023.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI

Lưu Chí Kháng
Trưởng phòng Phân tích
Email: khanglec@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lâm Phúc Thành
Chuyên viên Phân tích
Email: thanhlp@vncsi.com.vn

Hoàng Thị Nguyên
Trợ lý TTNC
Email: nguyenht@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Lê Anh Tùng
Chuyên viên Phân tích
Email: tungla@vncsi.com.vn



Tuyên bố miễn trách nhiệm:

Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI), những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng.

Các nhận định trong bản báo cáo này dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo, các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. CSI sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ thông tin hoặc ý kiến của báo cáo này. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CSI.

Hệ Thống Khuyến Nghị:

Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.



TRỤ SỞ CTCP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM CSI

Tầng 11, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099
Website: www.vncsi.com.vn